TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/DS-ST
Ngày: 14-01-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nguyên**

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà **Huỳnh Thị Long**

+ Ông **Nguyễn Văn Cường**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Mỹ Ngọc -** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông: Bà **Trần Thị Ngọc Tuyền** – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 193/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 283/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 321/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Ngân hàng TMCP S**

Địa chỉ: xxxx – xxxx NKKN, phường V, quận X, Tp H

Đại diện theo pháp luật: **Nguyễn Đức Thạch D**, chức vụ: Tổng Giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: **Công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng S (Công ty S).**

Địa chỉ: xxx NKKN, phường V, quận X, Tp H

Đại diện theo pháp luật: **Lê Ngọc T**, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện ủy quyền: **Nguyễn Vũ Khánh C**, chức vụ: Phó Tổng Giám đốc.

Người được ủy quyền: **Nguyễn Minh T**– chức vụ: Nhân viên Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng S (xin vắng mặt).

- *Bị đơn***: Nguyễn Huy T**, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện G, tỉnh T (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP S trình bày****:* Ngày 22/05/2018, anh T có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Căn cứ thu nhập của anh T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 15.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, cụ thể: Loại thẻ: ViSa Pay Wave Cre Platinum Cash back; Số thẻ: 356480-8722; hạn mức: 15.000.000 đồng; Lãi suất: 2,482%/tháng.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, anh T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 22.300.000 đồng và các loại phí phải thanh toán gồm:

- Phí trễ hạn là: 1.129.440 đồng
- Lãi trong hạn là: 6.845.629 đồng
- Phí VHM là: 200.000 đồng
- Phí là: 618.000 đồng

Tổng số tiền anh T phải thanh toán cho Ngân hàng là 31.093.069 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay anh T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 15.207.000 đồng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

- Các khoản phí và / hoặc lãi của kỳ trước
- Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước
- Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước.
- Các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ.
- Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ.
- Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng anh T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do anh T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 23/02/2020 Ngân

hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 15.886.069 đồng với lãi suất quá hạn là 3.723%/ tháng (lãi trong hạn 2.482%*150%) từ ngày ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại.

Tính đến ngày 22/02/2024, anh T còn nợ số tiền tổng cộng: 46.058.641 đồng trong đó: dư nợ gốc: 15.886.069 đồng; lãi quá hạn: 30.172.572 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP S kính đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn anh Nguyễn Huy T: Buộc anh Nguyễn Huy T phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày ngày 22/02/2024 là 46.058.641 đồng trong đó: dư nợ gốc: 15.886.069 đồng; lãi quá hạn: 30.172.572 đồng và lãi phát sinh cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

* Bị đơn anh Nguyễn Huy T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

* Tại phiên tòa, Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S do ông Nguyễn Minh Thắng làm đại diện có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, đồng thời ông Thắng nộp bản tự khai xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Tòa án buộc anh Nguyễn Huy T phải thanh toán số tiền còn nợ cho Ngân hàng tính đến ngày 14/01/2025 là 52.811.845 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi hai triệu, tám trăm mười một ngàn, tám trăm bốn mươi lăm đồng), trong đó:* Dư nợ gốc:15.886.069 đồng, lãi quá hạn: 36.925.776 đồng và lãi phát sinh từ ngày 15/01/2025 cho đến khi anh T thanh toán xong toàn bộ khoản nợ trên số nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 22/5/2018, Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật như sau:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ và ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Huy T trả số tiền còn nợ. Theo Kết quả xác minh của Công an phường Linh Trung, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh thì không có Nguyễn Huy T, sinh năm 1992 cư trú và sinh sống tại đây. Theo Kết quả xác minh của Công an xã Tăng Hòa thì anh Nguyễn Huy T, sinh năm 1992 có hộ khẩu thường trú tại ấp Giồng Lãnh 2, xã Tăng Hòa, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Do đó, căn cứ vào Khoản 4 Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở xác định địa chỉ của bị đơn tại đơn khởi kiện là địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của bị đơn. Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 22/05/2018, anh T có ký với Ngân hàng TMCP S Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Quá trình sử dụng thẻ anh T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền dịch với tổng số tiền là 22.300.000 đồng, anh T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 15.207.000 đồng, lần cuối cùng thanh toán vào ngày 22/10/2019, từ ngày 23/10/2019 anh T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Do anh T không thực hiện nghĩa vụ như đã cam kết trong hợp đồng nên đến ngày 23/02/2020 phát sinh nợ quá hạn. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với anh T về việc yêu cầu giải quyết các khoản nợ nhưng anh T đã không thực hiện cam kết. Theo quy định Điều 429 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì *"Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm".* Căn cứ quy định nêu trên thì thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp đã hết. Tuy nhiên, theo quy định khoản 2 Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "*Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc*". Trong vụ án này nguyên đơn không yêu cầu áp dụng thời hiệu, bị đơn không đến Tòa án làm việc mặc dù đã được triệu tập hợp

lệ nên cũng không có yêu cầu áp dụng thời hiệu, vì vậy Tòa án không áp dụng quy định về thời hiệu để làm căn cứ giải quyết vụ án.

[3] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S do ông Nguyễn Minh Thắng làm đại diện có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án. Bị đơn anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không rõ lý do, không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng anh T vắng mặt không rõ lý do cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án. Như vậy, anh T đã từ bỏ các quyền được pháp luật quy định. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn:

4.1 Đối với yêu cầu trả số tiền nợ gốc là 15.886.069 đồng: Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 22/5/2018 giữa Ngân hàng và anh T, Hội đồng xét xử xét thấy đủ cơ sở xác định anh T được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng số 356480-8722 hạn mức tín dụng 15.000.000 đồng, sau khi cấp thẻ, anh T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền 22.300.000 đồng, anh T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 15.207.000 đồng, lần cuối cùng thanh toán vào ngày 22/10/2019, từ ngày 23/10/2019 anh T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Theo quy định tại Điều 91, Điều 93, Khoản 3 Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Ngân hàng TMCP S là tổ chức tín dụng được quyền cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng, Ngân hàng và anh T được quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng theo quy định của pháp luật. Đồng thời, theo quy định tại Điều 19, Điều 22 của Quy chế phát hành, thanh toán, sử dụng và cung cấp dịch vụ hỗ trợ hoạt động thẻ ngân hàng ban hành kèm theo Quyết định số 20/2007/QĐ-NHNN ngày 15/5/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, anh T có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ, đúng hạn tiền vay và lãi phát sinh từ việc sử dụng thẻ theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ. Anh T đã thanh toán cho Ngân hàng được 15.207.000 đồng đến ngày 22/10/2019, còn dư nợ số tiền là 15.886.069 đồng. Căn cứ vào Điều 2 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S, do anh T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh T thanh toán khoản tiền dư nợ gốc còn lại là 15.886.069 đồng là có căn cứ.

4.2 Đối với yêu cầu thanh toán khoản tiền lãi quá hạn tính từ ngày tạm tính đến ngày 14/01/2025: Căn cứ vào Điểm c Khoản 4 Điều 13 và Điều 20 của

Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng thì: "Tổ chức tín dụng chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc mà khách hàng không trả được nợ đúng hạn theo thỏa thuận và không được tổ chức tín dụng chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ". "Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn, thì khách hàng phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất áp dụng không vượt quá 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn". Ngày 23/02/2020 anh T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng xác định anh T không trả nợ đúng hạn và số dư nợ gốc chuyển sang nợ quá hạn và áp dụng mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận tại Điều 23 của bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng là phù hợp quy định của pháp luật. Do đó, Ngân hàng yêu cầu anh T thanh toán số tiền lãi quá hạn tính đến ngày 14/01/2025 với số tiền 36.925.776 đồng là có căn cứ.

Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở buộc anh T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày 14/01/2025 là 52.811.845 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi hai triệu, tám trăm mười một ngàn, tám trăm bốn mươi lăm đồng), trong đó:* Dư nợ gốc:15.886.069 đồng, lãi quá hạn: 36.925.776 đồng và tiền lãi tiếp tục phát sinh trên số nợ gốc tính từ ngày 15/01/2025 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn được thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 22/05/2018 và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S với anh Nguyễn Huy T.

Ngân hàng TMCP S là tổ chức tín dụng có chức năng kinh doanh tiền tệ. Việc bị đơn chậm thanh toán nợ như trên gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc anh Nguyễn Huy T phải thanh toán toàn bộ khoản nợ trên một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát

[6] Về án phí: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UNTVQH14 ngày 30/12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

1. Buộc anh Nguyễn Huy T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tổng cộng là **52.811.845 đồng** (*Bằng chữ: Năm mươi hai triệu, tám trăm mười một ngàn, tám trăm bốn mươi lăm đồng), trong đó:* Dư nợ gốc: 15.886.069 đồng, lãi quá hạn: 36.925.776 đồng tạm tính đến ngày 14/01/2025. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2025, anh T còn phải tiếp tục trả lãi trong hạn, lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 22/05/2018 và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Huy T phải chịu 2.640.592 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại Ngân hàng TMCP Ngân hàng TMCP S số tiền 1.151.466 đồng tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp theo biên lai thu số 0026133 ngày 05/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện Gò Công Đông;

- Chi cục THADS huyện Gò Công Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Văn Nguyên